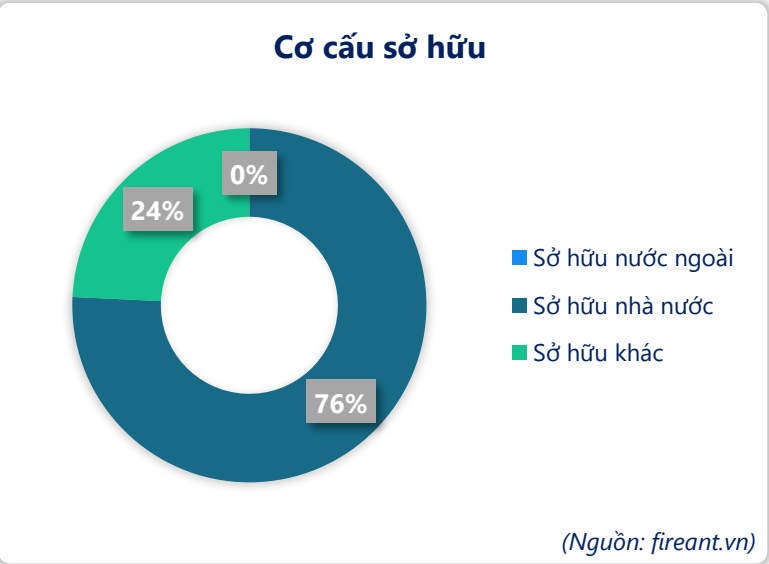
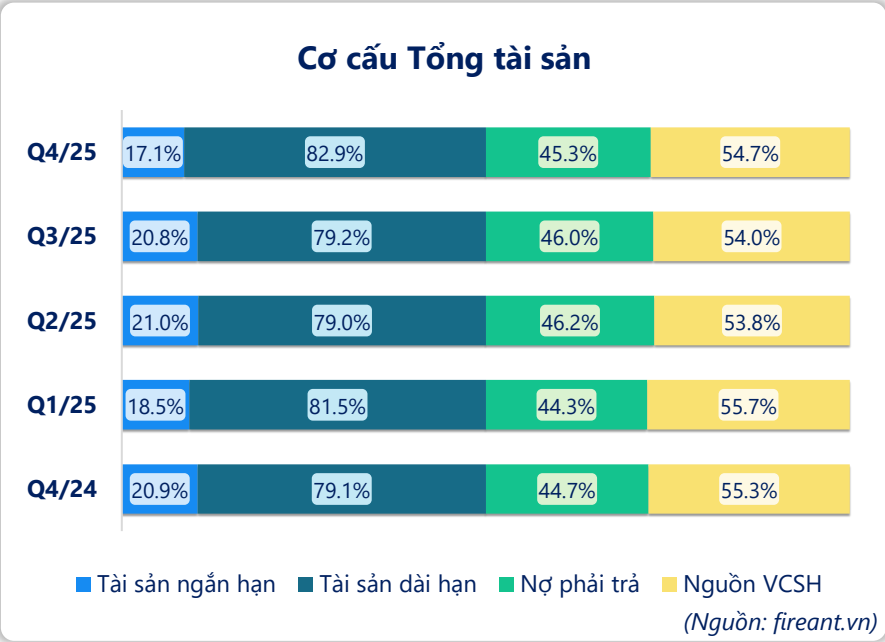
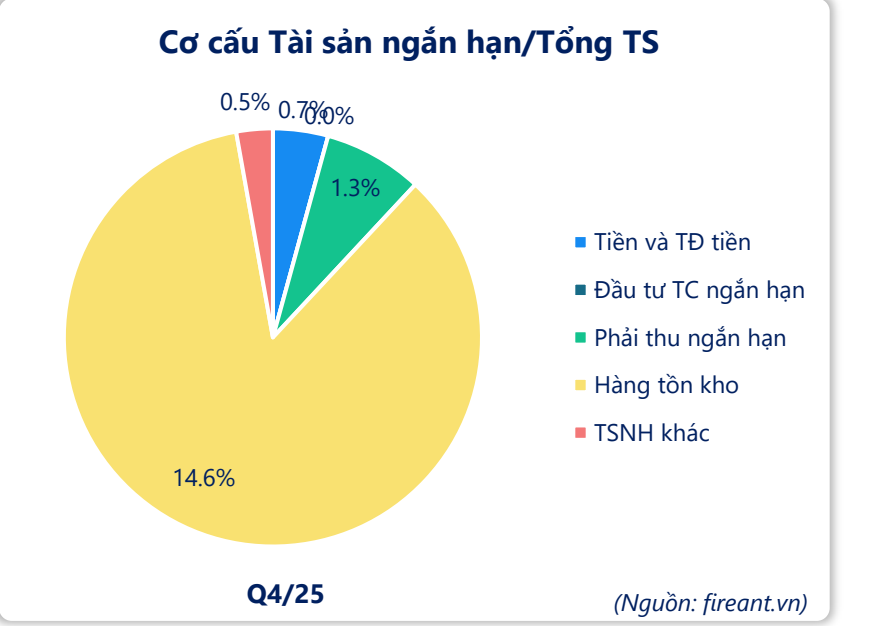
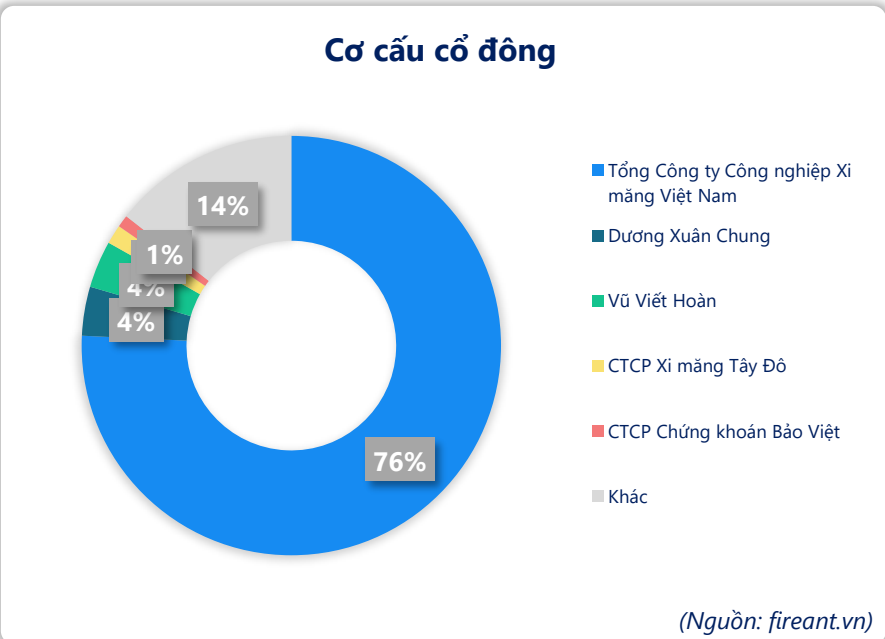
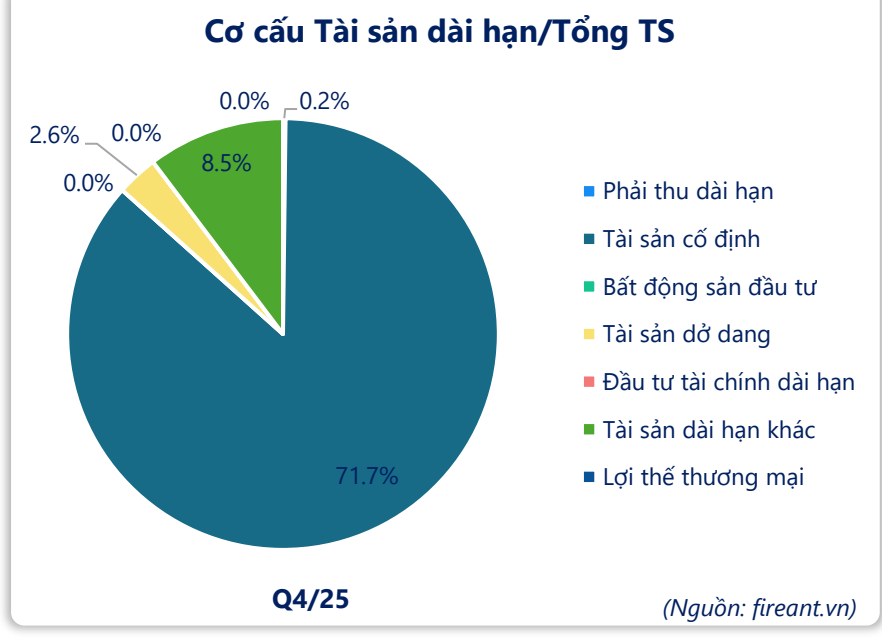
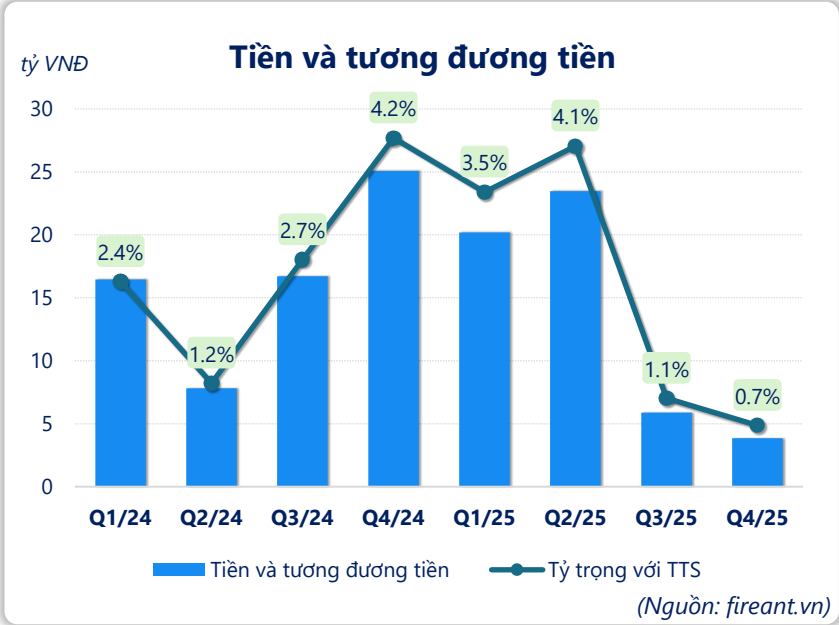
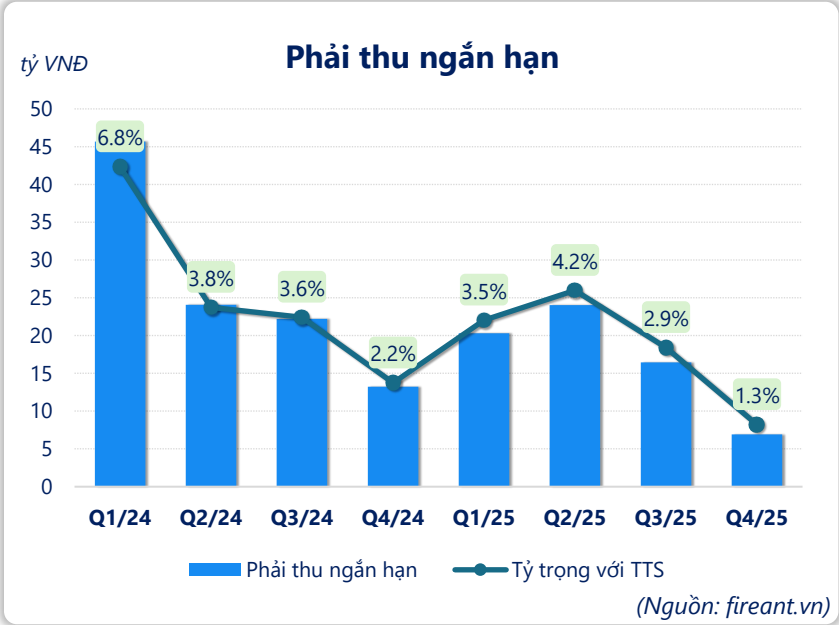
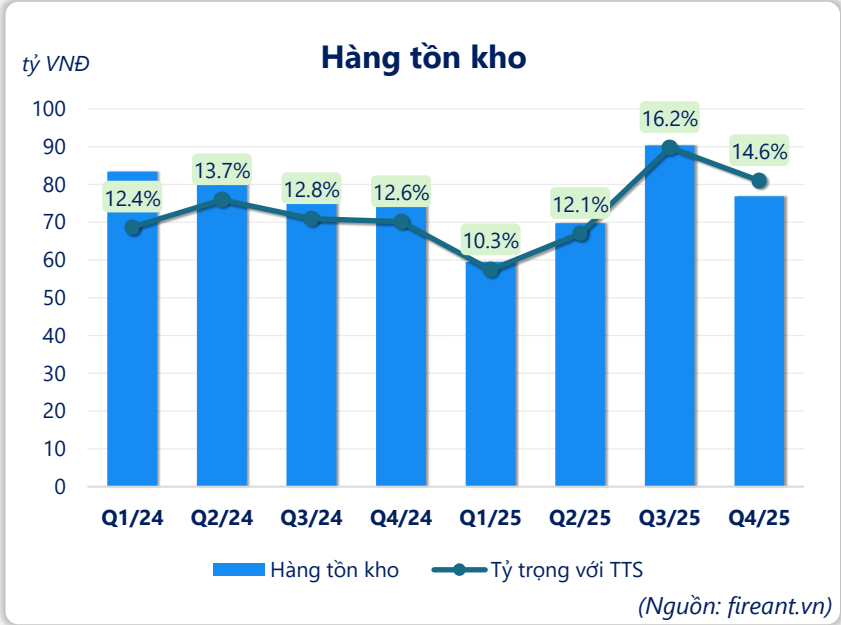
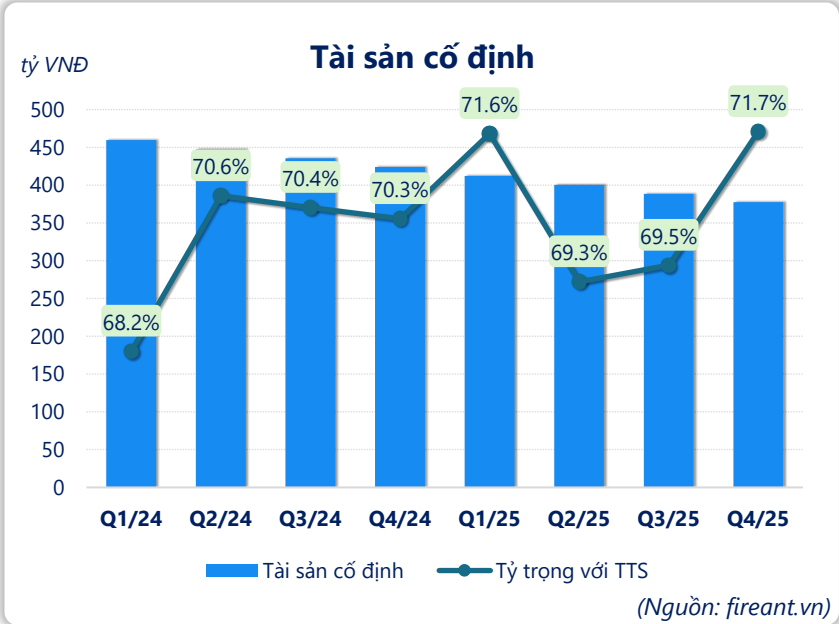
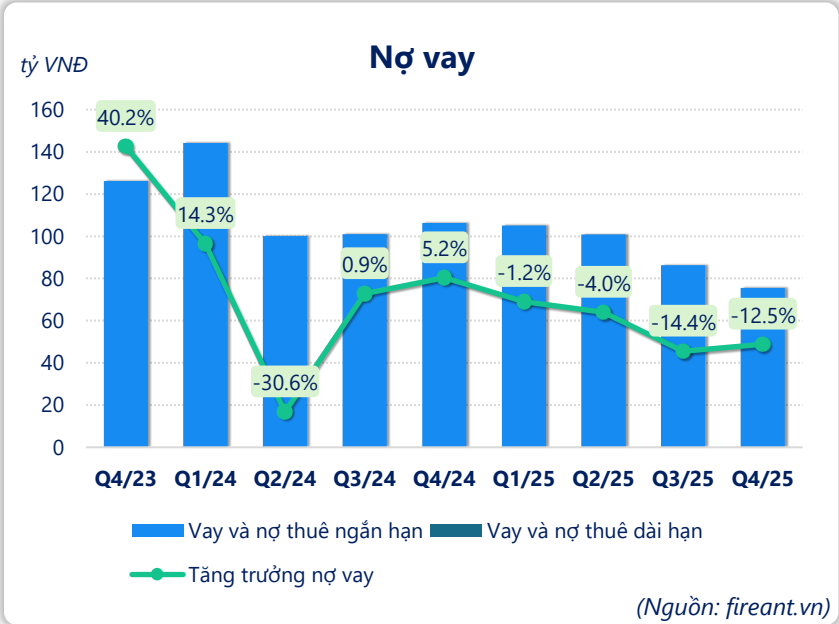
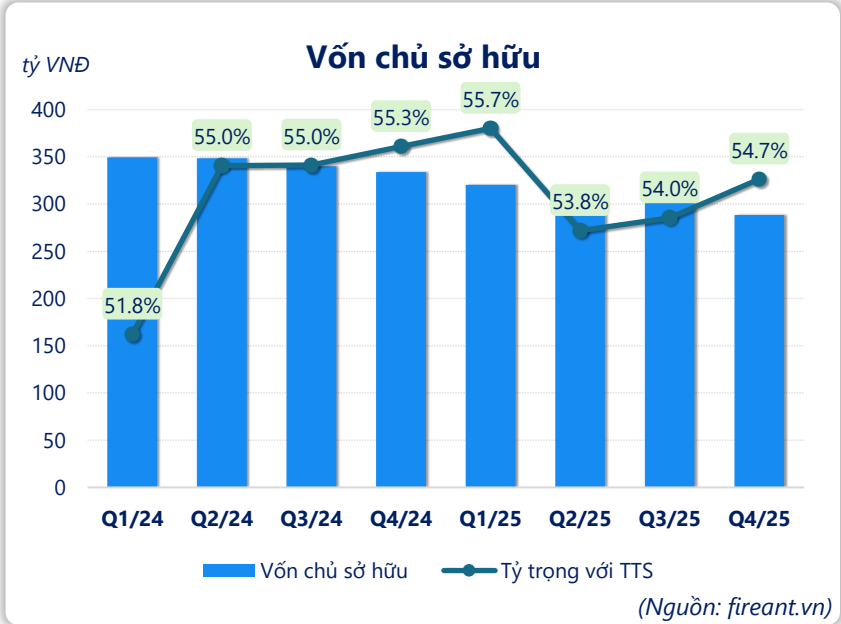
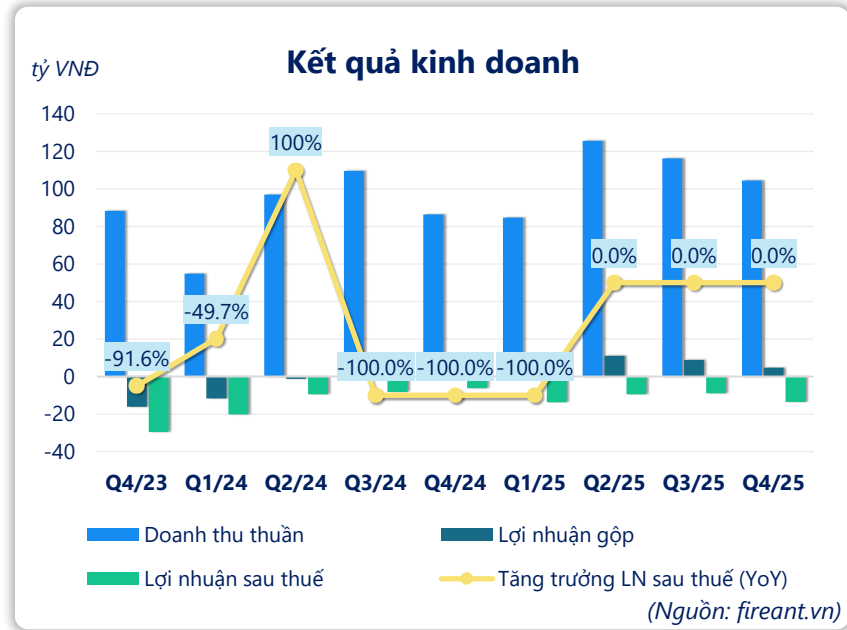
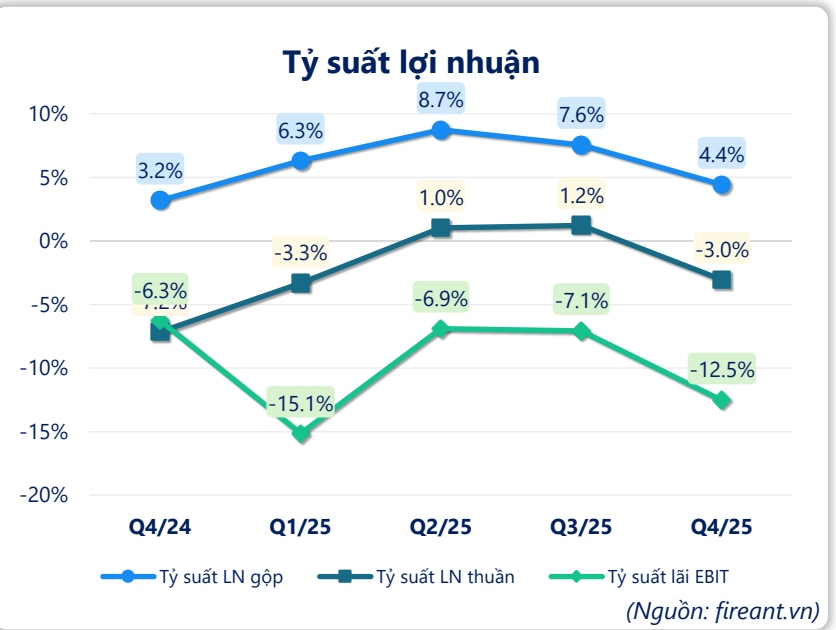
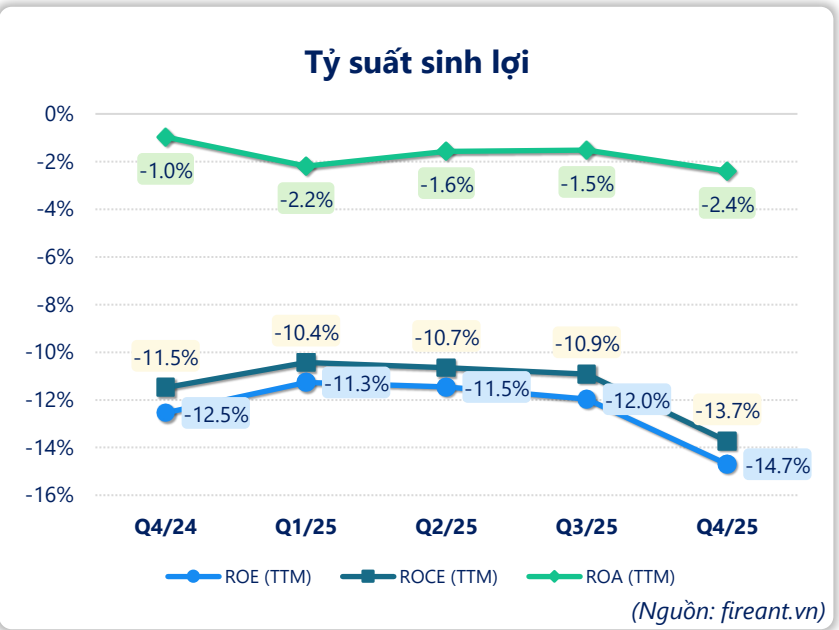
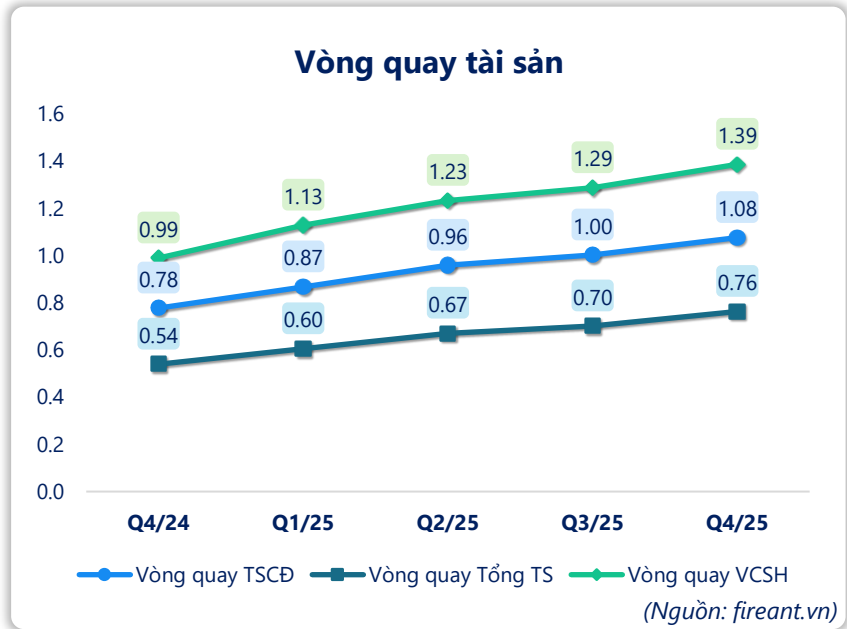
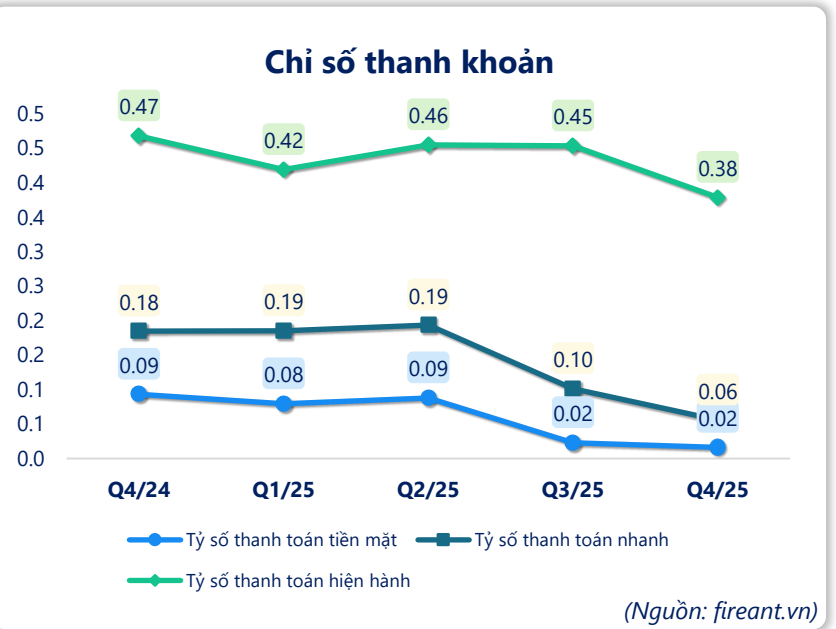
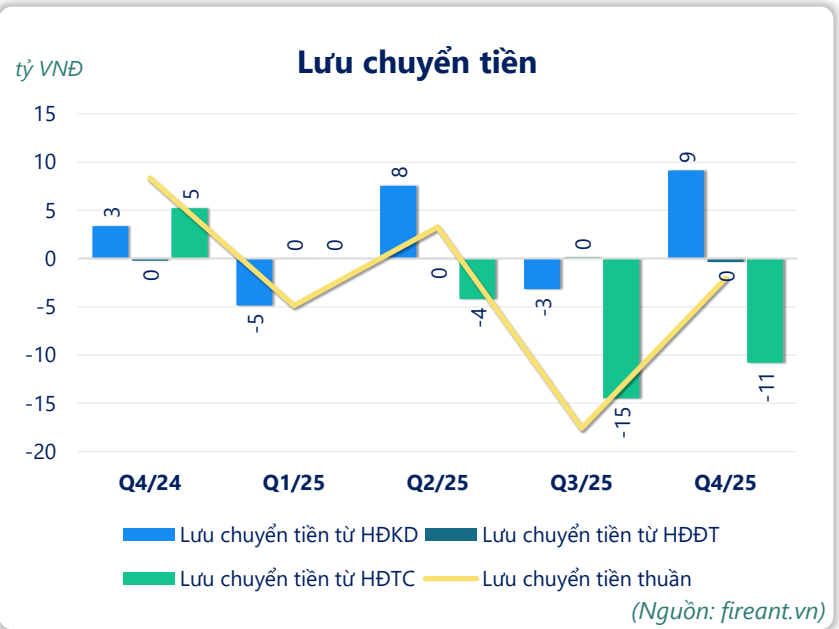


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		2,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		3,520
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,400
SL cổ phiếu LH		41,525,250
KLGD BQ 20 phiên (CP)		48,490
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		108
P/E		-2.4
EPS		-1,101

	YTD	1T	3T	6T
HVX	0.4%	-4.1%	-7.1%	3.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	527	602	-12.5%
Tài sản ngắn hạn	90.1	120	-24.7%
Tiền và tương đương tiền	3.84	25.1	-84.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	6.92	11.9	-42.1%
Hàng tồn kho	76.8	76.2	0.9%
Tài sản ngắn hạn khác	2.54	6.46	-60.7%
Tài sản dài hạn	437	483	-9.5%
Phải thu dài hạn	0.83	0.78	7.1%
Tài sản cố định	378	424	-10.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	13.5	13.6	-1.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	45.0	44.3	1.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	239	268	-11.0%
Nợ ngắn hạn	238	268	-11.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	75.5	105	-28.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	121	125	-3.2%
Nợ dài hạn	0.68	0.62	8.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	288	334	-13.7%
Vốn chủ sở hữu	288	334	-13.7%
Vốn điều lệ	415	415	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	86.4	84.8	126	116	105
Giá vốn hàng bán	83.6	79.4	115	107	99.9
Lợi nhuận gộp	2.75	5.36	11.0	8.79	4.63
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	0.01	0.01	0.00
Chi phí TC	0.84	0.89	0.85	0.73	0.45
Chi phí lãi vay	0.84	0.89	0.85	0.73	0.45
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.78	0.78	1.08	0.79	0.46
Chi phí QLDN	7.32	6.53	7.77	5.86	6.90
LN thuần từ HĐKD	-6.18	-2.82	1.30	1.42	-3.18
Lợi nhuận khác	-0.08	-10.9	-10.8	-10.4	-10.4
LN trước thuế	-6.26	-13.7	-9.50	-8.94	-13.6
Lợi nhuận sau thuế	-6.26	-13.7	-9.50	-8.94	-13.6
LNST của CĐ cty mẹ	-6.26	-13.7	-9.50	-8.94	-13.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.36	-4.87	7.52	-3.17	9.12
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.24	0.01	-0.03	0.09	-0.35
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.22	0	-4.22	-14.5	-10.8
Tiền đầu kỳ	16.7	25.1	20.2	23.5	5.88
Lưu chuyển tiền thuần	8.34	-4.86	3.27	-17.6	-2.04
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	25.1	20.2	23.5	5.88	3.84

(Nguồn: fireant.vn)